TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73 /2019/DS-ST
Ngày: 24-10-2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân

2. Ông Nguyễn Đình Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2019/TLST-DS, ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Phương S; sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Tiêu Thị N; sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ X, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29-5-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương S trình bày:

Ngày 12-5-2015, bà có cho bà Tiêu Thị N vay 337.000.000đồng để đáo hạn ngân hàng, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 674.000đồng/ngày, thời hạn vay từ 02 đến 03 ngày. Bà đã giao đủ tiền cho bà N nhận bằng việc nộp vào tài khoản ngân hàng của bà N tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Y – Chi nhánh Quảng Ngãi. Khi vay tiền bà N có viết giấy vay tiền nhưng khi đến thời hạn trả nợ, bà N không trả nên đã viết cho bà giấy cam kết trả nợ đề ngày 07-7-2015, hẹn đến ngày 21-7-2015 sẽ hoàn trả số tiền trên cho bà; bà đã giao lại cho bà N giấy vay tiền ngày 12-5-2015 mà bà N đã viết cho bà. Tuy nhiên, từ khi viết giấy cam kết trả nợ đến nay bà N chưa trả cho bà khoản tiền nào. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tiêu

Thị N phải trả cho bà 377.000.000đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 337.000.000đồng; tiền lãi là 40.000.000đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Huỳnh Thị Phương S rút yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Tiêu Thị N trả cho bà 337.000.000đồng tiền nợ gốc.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các các văn bản tố tụng khác cho bị đơn bà Tiêu Thị N nhưng bà N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án; không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm bà Huỳnh Thị Phương S khởi kiện thì bà Tiêu Thị N đang cư trú tại Tổ X, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Phương S là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn bà Tiêu Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương S trình bày: Ngày 12-5-2015, bà có cho bà Tiêu Thị N vay 337.000.000đồng để đáo hạn ngân hàng, nhưng khi đến hạn trả nợ bà N không trả nên đến ngày 07-7-2015 bà N viết cho bà giấy cam kết trả nợ. Trong giấy cam kết trả nợ, bà N hẹn đến ngày 21-7-2015 sẽ hoàn trả số tiền trên cho bà. Tuy nhiên, từ đó đến nay bà N vẫn chưa trả cho bà khoản tiền nào. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Tiêu Thị N trả cho bà 337.000.000đồng tiền nợ gốc.

[2.2] Mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn bà Tiêu Thị N nhưng bà N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án.

[2.3] Căn cứ giấy cam kết trả nợ đề ngày 07-7-2015 do bà Huỳnh Thị Phương S cung cấp và lời trình bày của bà S trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định bà Huỳnh Thị Phương S có cho bà Tiêu Thị N vay 337.000.000đồng vào ngày 12-5-2015.

[2.4] Trong giấy cam kết trả nợ đề ngày 07-7-2015 bà N hẹn đến ngày 21-7-2015 sẽ hoàn trả số tiền trên cho bà S nhưng đến nay bà N vẫn chưa trả cho bà S khoản tiền nào. Việc bà Tiêu Thị N không trả nợ cho bà Huỳnh Thị Phương S khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy, bà Huỳnh Thị Phương S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tiêu Thị N trả cho bà 337.000.000đồng tiền nợ gốc là có căn cứ, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Đối với tiền lãi: Trong đơn khởi kiện, bà Huỳnh Thị Phương S yêu cầu bà Tiêu Thị N trả 40.000.000đồng tiền lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bà S rút yêu cầu khởi kiện về tiền lãi. Việc nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương S rút phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương S.

[3] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương S được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Tiêu Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 337.000.000đồng x 5% = 16.850.000đồng.

Bà Huỳnh Thị Phương S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Phương S 9.425.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001440 ngày 26-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 471, 474 và 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Phương S về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Tiêu Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Phương S 337.000.000đồng (ba trăm ba mươi bảy triệu đồng).

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương S.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí:

Bà Tiêu Thị N phải chịu 16.850.000đồng (mười sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị Phương S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Phương S số tiền 9.425.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001440 ngày 26-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong